

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 52 Lê Đại Hành - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.38257979

Fax: 04.38260735

# **GELEX**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ III NĂM 2016**

**HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2016**



# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo tài chính hợp nhất	02-36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	04-05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	06-07
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	08-36

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.897.786.265.118</b>	<b>3.098.121.929.560</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>295.013.844.573</b>	<b>518.493.494.834</b>
111	1. Tiền		203.013.844.573	337.190.219.960
112	2. Các khoản tương đương tiền		92.000.000.000	181.303.274.874
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>410.212.894.267</b>	<b>448.433.560.889</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		410.212.894.267	448.433.560.889
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.297.273.082.732</b>	<b>1.006.793.864.550</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		1.249.328.666.486	964.049.114.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		40.123.372.061	42.533.295.302
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	6.000.000.000	33.193.522.700
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	36.573.355.364	12.644.761.572
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(37.973.981.858)	(46.632.565.353)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.221.670.679	1.005.735.477
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>871.485.044.862</b>	<b>1.089.029.229.696</b>
141	1. Hàng tồn kho		872.208.785.639	1.094.473.019.541
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(723.740.777)	(5.443.789.845)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>23.801.398.684</b>	<b>35.371.779.591</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.348.595.001	2.406.586.738
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.330.496.254	32.948.871.522
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	122.307.429	16.321.331
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.995.359.550.295</b>	<b>1.819.382.361.671</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>202.329.750</b>	<b>395.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	202.329.750	395.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>918.761.571.233</b>	<b>981.971.979.497</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	873.009.032.051	925.140.436.177
222	- Nguyên giá		1.603.735.397.365	1.715.524.224.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(730.726.365.314)	(790.383.788.170)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	45.752.539.182	56.831.543.320
228	- Nguyên giá		55.620.544.010	68.819.552.152
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.868.004.828)	(11.988.008.832)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>189.426.187.482</b>	<b>44.873.799.497</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	189.426.187.482	44.873.799.497
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>691.959.565.545</b>	<b>646.827.240.129</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		683.875.903.545	638.870.867.329
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.491.514.600	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(407.852.600)	(535.141.800)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>195.009.896.285</b>	<b>145.314.342.548</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	194.050.734.684	143.919.494.156
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		959.161.601	1.394.848.392
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.893.145.815.413</b>	<b>4.917.504.291.231</b>

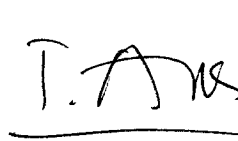
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.906.604.619.438</b>	<b>1.924.215.058.500</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.707.854.935.974</b>	<b>1.800.610.784.387</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	488.197.026.750	571.664.467.750
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		40.037.343.286	95.368.632.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	68.340.503.865	29.164.746.632
314	4. Phải trả người lao động		96.976.321.488	110.252.303.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	26.356.222.872	34.017.384.934
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	4.865.233.700	18.530.302.185
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	335.517.377.295	365.956.116.354
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	566.351.899.428	504.114.164.978
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	46.967.942.744	43.641.992.233
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		34.245.064.546	27.900.672.783
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>198.749.683.464</b>	<b>123.604.274.113</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14	49.126.883.377	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	15	8.477.782.317	8.900.875.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	60.647.448.023	17.213.189.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	.b	3.377.636.342	234.802.801
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	17	66.369.016.745	49.382.894.377
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.750.916.660	11.007.349.996
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.986.541.195.975</b>	<b>2.993.289.232.731</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>2.983.929.742.187</b>	<b>2.981.559.990.574</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>1.550.000.000.000</i>	<i>1.550.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.277.940.660	47.050.714.170
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.635.745)	(5.025.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		160.414.535	84.376.333
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		208.667.162.776	123.438.566.724
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		679.809.166.648	744.300.401.229
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>273.279.850.061</i>	<i>423.190.425.666</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>406.529.316.586</i>	<i>321.109.975.563</i>
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		406.662.693.313	455.332.932.118
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>2.611.453.788</b>	<b>11.729.242.157</b>
431	1. Nguồn kinh phí		(483.374.000)	4.011.662.947
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	18	3.094.827.788	7.717.579.210
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.893.145.815.413</b>	<b>4.917.504.291.231</b>



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hương  
Giám đốc Tài chính

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Quý 3/2016*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
					VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.956.116.152.294	3.459.686.819.376	5.642.090.079.143	7.975.071.586.662
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	30.357.867.668	32.154.542.063	81.179.340.104	215.326.882.361
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.925.758.284.626	3.427.532.277.313	5.560.910.739.039	7.759.744.704.301
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.656.092.743.444	3.200.846.957.936	4.823.185.144.100	6.918.842.795.501
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		269.665.541.182	226.685.319.377	737.725.594.939	840.901.908.800
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		52.047.372.187	27.935.793.585	202.957.836.732	70.373.257.373
22	7. Chi phí tài chính		17.135.433.981	17.703.353.429	42.130.077.982	55.522.985.201
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		15.627.260.550	2.642.292.959	38.654.398.083	35.024.874.984
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		41.145.800.845	18.232.880.971	2.393.746.950	20.648.502.133
25	9. Chi phí bán hàng		53.326.147.219	49.426.004.149	131.291.049.286	148.624.386.087
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp		64.065.068.328	73.734.504.272	173.404.019.900	235.590.990.825
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		228.332.064.686	131.990.132.083	596.252.031.453	492.185.306.193
31	12. Thu nhập khác		1.286.755.468	2.279.755.158	6.075.011.943	4.579.926.311
32	13. Chi phí khác		(672.801.638)	1.229.167.589	6.958.643.083	2.755.538.823
40	14. Lợi nhuận khác		1.959.557.106	1.050.587.569	(883.631.140)	1.824.387.488
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		230.291.621.792	133.040.719.652	595.368.400.313	494.009.693.681
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	36.677.419.447	20.392.531.306	89.985.912.093	92.362.162.949
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(341.277.710)	11.434.744	3.750.710.458	797.461.964
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>193.955.480.055</u>	<u>112.636.753.602</u>	<u>501.631.777.762</u>	<u>400.850.068.768</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3/2016

61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	162.710.733.387	106.117.671.063	406.529.316.586	297.774.574.189	
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	31.244.746.668	6.519.082.539	95.102.461.176	103.075.494.579	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.053	724	2.631	2.068



**Dương Việt Nga**  
Người lập



**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng



**Vũ Thanh Hương**  
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		595.368.400.313	494.009.693.681
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		76.007.190.480	56.835.075.229
03	- Các khoản dự phòng		(25.591.810.917)	(20.819.639.315)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		314.776.749	43.203.791
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(192.888.967.125)	(86.532.967.350)
06	- Chi phí lãi vay		38.654.398.083	35.024.874.984
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		491.863.987.583	478.560.241.020
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(496.593.264.935)	(518.931.330.374)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		394.257.322.750	456.937.200.860
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(310.256.605.462)	(687.312.641.869)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(50.059.681.676)	(2.252.299.977)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	(1.320.000.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(38.499.257.154)	(33.492.345.446)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(74.012.985.737)	(132.276.070.871)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.539.453.871	10.880.306.091
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(176.274.185.394)	(58.063.147.483)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(234.035.216.154)	(487.270.088.049)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(139.232.701.335)	(105.802.639.335)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		125.910.691	762.250.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(381.308.923.089)	(224.600.830.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		490.837.198.600	57.269.724.500
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.525.536.210	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		143.092.655.385	68.123.601.929
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		152.039.676.462	(204.247.892.906)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	216.378.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		958.106.179.776	1.180.755.853.985
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(870.217.033.485)	(1.043.546.255.016)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(229.032.046.400)	(168.068.920.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(141.142.900.109)</i>	<i>185.518.678.969</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(223.138.439.801)	(505.999.301.986)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		518.493.494.834	770.927.664.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(341.210.460)	13.619.620
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>295.013.844.573</u>	<u>264.941.982.468</u>



**Dương Việt Nga**  
Người lập

**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng

**Vũ Thanh Hương**  
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Quý 3/2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

- **Tổng số Công ty con:**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 10 công ty (6 công ty con trực tiếp (trong đó có một công ty con đã thoái vốn trong kỳ) và 4 công ty con gián tiếp)
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong kỳ Công ty CP Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng Công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,3% xuống 49,24%. Thời điểm hoàn tất việc phát hành tăng vốn là ngày 18 tháng 01 năm 2016. Do vậy, trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016, khoản đầu tư vào Công ty CP Khí cụ điện I đang được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Ngoài ra, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty đang nắm giữ trong kỳ tại ngày 13 tháng 06 năm 2016. Do vậy, số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/09/2016 không bao gồm số liệu của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương, số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tương ứng đã bao gồm số liệu của Công ty CP Chế tạo Bơm cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (1)	TP. Hồ Chí Minh	70,533%	70,533%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (2)	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (4)	TP. Hà Nội	65,00%	65,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện (4)	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương (5)	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

**(1) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam:**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua bổ sung thêm 1.591.790 cổ phiếu của CTCP Dây cáp điện Việt Nam dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 65,006% lên 70,533%.

**(2) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội:**

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội đã phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức với số lượng cổ phiếu phân phối là 4.555.000 cổ phiếu. Do số lượng cổ phiếu để trả cổ tức không được xác định cho số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty con dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tăng từ 65,84% lên 65,88%.

**(3) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gelex:**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gelex với số tiền là 13 tỷ đồng, chiếm 65% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30/06/2016, Tổng Công ty đã góp vốn đầy đủ theo đúng cam kết phần vốn góp của mình.

**(4) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện:**

Trong kỳ, Tổng Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (GELEX EMIC), góp vốn 368 tỷ đồng, chiếm 100% tổng số vốn điều lệ.

**(5) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương:**

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty đang nắm giữ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Cadivi Miền Bắc (*)	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(\*) Trong kỳ, Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đã thành lập Công ty con là CTCP Cadivi Miền Bắc ngày 22/04/2016.

- **Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con: Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Tổng Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.



**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

**2.20 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**2.25 . Yếu tố ảnh hưởng đến việc thay đổi lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm trước:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2016 cao hơn so với cùng kỳ năm 2015 là do lợi nhuận sau thuế tại công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết cao hơn so với cùng kỳ năm 2015

**2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.395.472.985	4.581.166.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	184.618.371.588	332.609.053.154
Tiền đang chuyển	15.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	92.000.000.000	181.303.274.874
	<b><u>295.013.844.573</u></b>	<b><u>518.493.494.834</u></b>

Tại 30/09/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	410.212.894.267	410.212.894.267	448.433.560.889	448.433.560.889
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	144.503.172.045	144.503.172.045	448.433.560.889	448.433.560.889
- Các khoản đầu tư khác (2)	265.709.722.222	265.709.722.222	-	-
	<b><u>410.212.894.267</u></b>	<b><u>410.212.894.267</u></b>	<b><u>448.433.560.889</u></b>	<b><u>448.433.560.889</u></b>

(1) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) 2.1. Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ NHTMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ngày 22 tháng 6 năm 2016:

- Thời hạn quản lý danh mục đầu tư là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Tại thời điểm 30/06/2016, danh mục đầu tư của Tổng Công ty bao gồm:
  - + 180 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 180 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm;
  - + 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

2.2. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 06092016/HĐMBTP/NGUYENLATHAO-GEX-S99 ngày 06 tháng 9 năm 2016: 35 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày Tổng Công ty mua 06/09/2016; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/09/2016			01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND	
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	360.009.337	34,27%	34,27%	20.360.017.528
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội			-	45,00%	45,00%	5.528.359.676
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	102.214.791.326	36,35%	36,35%	114.115.327.257
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	6.031.591.532	25,50%	25,50%	7.049.361.952
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	238.511.654.450	43,44%	43,44%	198.878.604.355
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	288.894.325.968	23,11%	23,11%	292.939.196.561
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	46.163.992.435			
				<b>682.176.365.048</b>			<b>638.870.867.329</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 28.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(407.852.600)	2.178.670.000	(535.141.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	<b>8.491.514.600</b>	<b>(407.852.600)</b>	<b>8.491.514.600</b>	<b>(535.141.800)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Dự phòng các khoản đầu tư tài chính được trích lập dựa trên giá trị trường của cổ phiếu đang niêm yết trên sàn HNX, HSX và Upcom.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	2.000.000.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	-	308.402.700
	<u><b>6.000.000.000</b></u>	<u><b>33.193.522.700</b></u>

Số dư phải thu về cho vay phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty đang giao dịch ở từng thời điểm.

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/09/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.078.500.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.287.873.280	-	2.491.439.432	-
Phải thu người lao động	8.198.155	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	24.371.740	-	41.546.350	-
Tạm ứng	4.757.794.622	-	4.890.590.185	-
Ký cược, ký quỹ	4.141.376.699	-	3.632.172.469	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	-	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác	21.275.240.868	-	489.013.136	-
	<u><b>36.573.355.364</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>12.644.761.572</b></u>	<u><b>-</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	202.329.750	-	395.000.000	-
	<u><b>202.329.750</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>395.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	6.301.117.300	-
Nguyên liệu, vật liệu	265.859.087.291	-	318.564.535.179	-
Công cụ, dụng cụ	2.748.824.547	-	3.436.578.236	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	152.366.971.255	-	112.003.204.172	-
Thành phẩm	396.890.957.807	(723.740.777)	596.464.177.207	(5.164.038.845)
Hàng hoá	37.517.403.579	-	44.288.279.252	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	16.825.541.160	-	13.415.128.195	-
	<b>872.208.785.639</b>	<b>(723.740.777)</b>	<b>1.094.473.019.541</b>	<b>(5.443.789.845)</b>

**8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	48.823.892.710	40.276.323.737
- Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
- Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	-	4.526.282.862
- Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	30.847.834.884	7.796.532.540
- Dự án Nhà máy cấp điện Cadivi Miền Trung	-	369.500.750
- Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	-	16.141.737.636
- Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	-	5.243.205.244
- Công trình khác	13.551.045.916	-
- Công trình khác	286.797.000	2.060.849.795
Mua sắm tài sản cố định	131.158.734.494	3.882.522.088
- Phần mềm ERP	3.287.000.400	3.287.000.400
- Quyền sử dụng đất 799 Kinh Dương Vương	127.243.482.364	-
- Tài sản khác	628.251.730	595.521.688
Sửa chữa lớn tài sản cố định	9.443.560.278	714.953.672
- Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	3.861.656.843	622.856.122
- Sửa chữa lớn các tài sản khác	5.581.903.435	92.097.550
	<b>189.426.187.482</b>	<b>44.873.799.497</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	1.715.524.224.347
- Mua trong kỳ	4.791.010.062	65.329.786.531	12.048.581.781	445.247.151	82.614.625.525
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	(868.795.880)	20.987.400.722	112.618.464	18.339.099.191	38.570.322.497
- Giảm do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	(11.238.750)	(786.815)	(12.025.565)
- Giảm do chuyển sang CCDC	(129.474.461)	(1.134.802.651)	(77.650.043)	(74.350.668)	(1.416.277.823)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(17.034.800.962)	(938.336.187)	(36.461.250)	(18.009.598.399)
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(88.146.772.793)	(101.760.645.833)	(21.373.761.791)	(2.254.692.800)	(213.535.873.217)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>670.230.643.452</b>	<b>730.256.416.464</b>	<b>84.055.845.408</b>	<b>119.192.492.041</b>	<b>1.603.735.397.365</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	790.383.788.170
- Khấu hao trong kỳ	20.123.525.846	37.831.130.656	6.881.241.590	6.164.918.906	71.000.816.998
- Hao mòn trong kỳ	-	5.560.109.843	-	-	5.560.109.843
- Giảm do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	(4.120.245)	(568.440)	(4.688.685)
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	-	-	-	(813.477.557)	(813.477.557)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.807.008.817)	(938.336.187)	(36.461.250)	(15.781.806.254)
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(38.816.359.233)	(64.778.186.356)	(14.449.636.816)	(1.574.194.796)	(119.618.377.201)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>229.755.710.151</b>	<b>424.352.531.621</b>	<b>50.856.377.044</b>	<b>25.761.746.498</b>	<b>730.726.365.314</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	925.140.436.177
Tại ngày cuối kỳ	<b>440.474.933.301</b>	<b>305.903.884.843</b>	<b>33.199.468.364</b>	<b>93.430.745.543</b>	<b>873.009.032.051</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	58.907.317.659	7.263.595.067	-	2.648.639.426	68.819.552.152
- Mua trong kỳ	-	-	244.481.111	-	244.481.111
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	(7.376.289.253)	(6.067.200.000)	-	-	(13.443.489.253)
- Phân loại lại	2.585.257.553	63.381.873	-	(2.648.639.426)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>54.116.285.959</b>	<b>1.259.776.940</b>	<b>244.481.111</b>	<b>-</b>	<b>55.620.544.010</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.851.827.153	2.751.544.508	-	1.384.637.171	11.988.008.832
- Khấu hao trong kỳ	865.125.372	1.541.248.110	-	-	2.406.373.482
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	(1.403.419.431)	(3.122.958.055)	-	-	(4.526.377.486)
- Phân loại lại	1.308.580.025	76.057.146	-	(1.384.637.171)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.622.113.119</b>	<b>1.245.891.709</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.868.004.828</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	51.055.490.506	4.512.050.559	-	1.264.002.255	56.831.543.320
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>45.494.172.840</b>	<b>13.885.231</b>	<b>244.481.111</b>	<b>-</b>	<b>45.752.539.182</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.232.535.636	1.237.762.135
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	152.270.838	65.000.925
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.963.788.527	1.103.823.678
	<u><b>4.348.595.001</b></u>	<u><b>2.406.586.738</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.083.178.339	11.812.029.259
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	9.951.299.904	6.104.468.867
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.876.440.131	13.276.448.872
Chi phí thuê đất trả trước	142.652.431.137	111.421.492.433
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.487.385.173	1.305.054.725
	<u><b>194.050.734.684</b></u>	<u><b>143.919.494.156</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng/giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	2.807.175.258	91.530.133.320	69.359.422.221	(1.694.694.927)	9.632.950	26.672.581.284
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.688.381	-	640.776.513	641.825.067	104.937.544	112.674.479	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	24.083.794.257	90.524.643.534	74.012.985.737	1.201.905.216	-	39.393.546.838
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.269.616.877	15.909.532.049	16.856.559.123	107.466.058	-	1.215.123.745
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	4.160.240	3.970.413.856	3.623.847.108	(708.525.010)	-	1.059.251.998
Các loại thuế khác	-	-	139.571.051	139.571.051	-	-	-
	<b>16.321.331</b>	<b>29.164.746.632</b>	<b>202.715.070.323</b>	<b>164.634.210.307</b>	<b>(988.911.119)</b>	<b>122.307.429</b>	<b>68.340.503.865</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	399.343.035	197.007.906
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền	3.124.727.253	4.257.853.767
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	8.980.234.849	14.196.798.172
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	-	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biều, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	1.413.720.000
- Trích trước chi phí khuyến mại theo quy chế đại lý	3.000.000.000	6.974.241.959
- Chi phí phải trả khác	10.851.917.735	3.906.887.630
	<b><u>26.356.222.872</u></b>	<b><u>34.017.384.934</u></b>

**14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	71.212.121	1.367.584.028
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	-	2.245.263.612
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	4.794.021.579	14.917.454.545
	<b><u>4.865.233.700</u></b>	<b><u>18.530.302.185</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	49.126.883.377	36.865.162.057
	<b><u>49.126.883.377</u></b>	<b><u>36.865.162.057</u></b>

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.380.763.052	711.508.637
- Kinh phí công đoàn	302.032.614	1.827.363.518
- Bảo hiểm xã hội	592.560.438	643.113.182
- Bảo hiểm y tế	20.211.253	72.090.053
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.997.554	57.320.033
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	305.950.309.125	301.399.158.645
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	226.065.000	130.320.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	3.245.332.450	8.847.566.054
- Phải trả lãi vay	278.269.255	325.463.455
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	-	7.796.340.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	5.307.769.345
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.512.836.554	2.138.288.323
	<b><u>335.517.377.295</u></b>	<b><u>365.956.116.354</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.477.782.317	8.900.875.882
	<b><u>8.477.782.317</u></b>	<b><u>8.900.875.882</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiết số dư các khoản vay:

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>566.351.899.428</b>	<b>504.114.164.978</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	548.481.659.428	478.082.619.923
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	-	59.174.463.176
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	13.692.370.125	5.091.823.440
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	236.179.280.043	157.108.792.439
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	-	22.825.223.351
- Ngân hàng TMCP Quân đội	12.000.000.000	130.605.674.167
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	39.028.785.286	94.409.634.132
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	25.067.303.800	5.485.982.888
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	52.428.162.725	3.381.026.330
- Ngân hàng ANZ	92.245.053.674	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch 2	30.500.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình	18.206.430.855	-
- Ngân hàng Eximbank	29.134.272.920	-
Vay ngắn hạn tổ chức	1.932.000.000	1.350.000.000
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.932.000.000	1.300.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	-	50.000.000
Vay cá nhân	12.391.240.000	10.493.545.055
Vay dài hạn đến hạn trả	3.547.000.000	14.188.000.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	3.547.000.000	14.188.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>60.647.448.023</b>	<b>17.213.189.000</b>
- Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.192.689.000	14.192.689.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	26.454.759.023	3.020.500.000
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	20.000.000.000	-
	<b>626.999.347.451</b>	<b>521.327.353.978</b>

**17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	46.967.942.744	43.641.992.233
	<b>46.967.942.744</b>	<b>43.641.992.233</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	66.369.016.745	49.382.894.377
	<b>66.369.016.745</b>	<b>49.382.894.377</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>47.050.714.170</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>84.376.333</b>	<b>123.438.566.724</b>	<b>744.300.401.229</b>	<b>455.332.932.118</b>	<b>2.981.559.990.574</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	406.529.316.586	95.102.461.176	501.631.777.762
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	94.344.781.743	(132.939.367.539)	(11.514.290.947)	(50.108.876.743)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(49.992.716.259)	(204.492.716.259)
Ảnh hưởng khi công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30.227.226.490	(635.745)	-	1.279.977	35.611.273	7.728.056.041	37.991.538.036
Ảnh hưởng khi giảm công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	(72.789.169.873)	(49.750.137.908)	(131.656.773.449)
Chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	-	-	76.038.202	-	-	-	76.038.202
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(110.140.656.130)	(39.712.046.260)	(149.852.702.390)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(686.968.899)	(531.564.648)	(1.218.533.547)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>77.277.940.660</b>	<b>(5.025.635.745)</b>	<b>160.414.535</b>	<b>208.667.162.776</b>	<b>679.809.166.648</b>	<b>406.662.693.313</b>	<b>2.983.929.742.187</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 19/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	249.651.441.276
Trích Quỹ đầu tư phát triển	31,11%	77.656.441.276
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	2.495.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,01%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	61,89%	154.500.000.000
<b>b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>1.550.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>1.550.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
<b>c) Cổ phiếu</b>		
	30/09/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	155.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>155.000.000</i>	<i>155.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	154.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>154.500.000</i>	<i>154.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>d) Các quỹ công ty</b>		
	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	208.667.162.776	123.438.566.724
	<b>208.667.162.776</b>	<b>123.438.566.724</b>
<b>19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5.538.665.553.530	7.854.494.841.204
Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.069.904.704	109.143.226.306
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.354.620.909	11.433.519.152
	<b>5.642.090.079.143</b>	<b>7.975.071.586.662</b>

Doanh thu 9 tháng đầu năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm 2015 do không hợp nhất doanh thu của Công ty CP Thiết bị điện, Công ty CP Khí cụ điện (do hai đơn vị này chuyển đổi từ Công ty con thành Công ty liên kết).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	73.165.819.467	179.566.933.218
Hàng bán bị trả lại	8.013.520.637	35.759.949.143
	<b>81.179.340.104</b>	<b>215.326.882.361</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	4.755.240.157.247	6.812.534.369.599
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	72.086.219.470	69.251.416.081
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	11.054.072.040
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.141.232.617)	26.002.937.781
	<b>4.823.185.144.100</b>	<b>6.918.842.795.501</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
<b>Công ty mẹ</b>	<b>27.856.431.131</b>	<b>27.115.745.318</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	27.856.431.131	27.115.745.318
<b>Công ty con</b>	<b>62.129.480.962</b>	<b>65.246.417.631</b>
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	48.043.938.312	19.350.922.713
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	-	15.962.342.691
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	4.954.989.355	3.208.968.395
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	-	3.077.939.096
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	41.300.794	-
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	768.079.247	812.437.875
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	1.383.107.772	2.518.093.756
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	5.854.285.517
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	165.212.380	163.917.403
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	134.048.130	164.507.957
- Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	-	14.133.002.228
- Công ty Cổ phần Cadivi Miền Bắc	6.638.804.972	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>89.985.912.093</b>	<b>92.362.162.949</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	406.529.316.586	297.774.574.189
Các khoản điều chỉnh	-	(2.977.745.742)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(2.977.745.742)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	406.529.316.586	294.796.828.447
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	154.500.000	142.533.088
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.631</b>	<b>2.068</b>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016.

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.102.359.540.866	2.357.306.489.024
Chi phí nhân công	218.578.762.152	253.931.574.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.847.080.637	56.818.700.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.514.687.024	117.242.164.818
Chi phí khác bằng tiền	104.996.302.082	92.614.651.952
	<b>2.588.296.372.761</b>	<b>2.877.913.580.949</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3/2016**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	295.013.844.573	-	518.493.494.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.286.104.351.600	(37.973.981.858)	977.088.876.424	(46.632.565.353)
Các khoản cho vay	150.503.172.045	-	481.627.083.589	-
Đầu tư ngắn hạn	265.709.722.222	-	-	-
Đầu tư dài hạn	8.491.514.600	(407.852.600)	8.491.514.600	(535.141.800)
	<b>2.005.822.605.040</b>	<b>(38.381.834.458)</b>	<b>1.985.700.969.447</b>	<b>(47.167.707.153)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	626.999.347.451	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	832.192.186.362	946.521.459.986
Chi phí phải trả	26.356.222.872	34.017.384.934
	<b>1.485.547.756.685</b>	<b>1.501.866.198.898</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	295.013.844.573	-	-	295.013.844.573
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.247.928.039.992	202.329.750	-	1.248.130.369.742
Các khoản cho vay	150.503.172.045	-	-	150.503.172.045
Đầu tư ngắn hạn	265.709.722.222	-	-	265.709.722.222
Đầu tư dài hạn	-	8.083.662.000	-	8.083.662.000
	<b><u>1.959.154.778.832</u></b>	<b><u>8.285.991.750</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.967.440.770.582</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	<b><u>1.930.181.889.494</u></b>	<b><u>8.351.372.800</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.938.533.262.294</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 3/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>				
Vay và nợ	566.351.899.428	60.647.448.023	-	626.999.347.451
Phải trả người bán, phải trả khác	823.714.404.045	8.477.782.317	-	832.192.186.362
Chi phí phải trả	26.356.222.872	-	-	26.356.222.872
	<b><u>1.416.422.526.345</u></b>	<b><u>69.125.230.340</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.485.547.756.685</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	<b><u>1.475.752.134.016</u></b>	<b><u>26.114.064.882</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.501.866.198.898</u></b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Tổng Công ty đã có thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ là ngày 25/10/2016, cụ thể:

+ Số lượng cổ phiếu phát hành: 77.250.000, cổ phần.

+ Giá phát hành: 18.000, đồng/cổ phần

+ Tỷ lệ thực hiện: 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới).

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3/2016**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/09/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>6.737.821.289</b>	<b>87.029.162.987</b>
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	68.456.443	4.885.001.339
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	6.003.534.846	35.260.669.510
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	665.830.000	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	77.977.562
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.000.000.000	12.385.120.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

	Mối quan hệ	30/09/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu lãi cho vay vốn</b>		<b>2.288.926.363</b>	<b>2.195.706.096</b>
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	278.333.333
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.288.926.363	1.917.372.763
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>50.152.936.585</b>	<b>95.191.454.007</b>
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	718.268.100
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	50.152.936.585	94.473.185.907
<b>Phải thu khác</b>		<b>1.000.000</b>	<b>6.124.660.000</b>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	6.123.660.000
<b>Phải trả khác</b>		<b>-</b>	<b>16.699.815.109</b>
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được Công ty lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015.



**Dương Việt Nga**  
Người lập



**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng



**Vũ Thanh Hương**  
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016